Chi tiết mã HS 9005.90.10

Mã HS	9005.90.10
Mô tả hàng hóa	Ống nhòm loại hai mắt, ống nhòm đơn, kính viễn vọng quang học khác, và khung giá của các loại trên; các dụng cụ thiên văn khác và khung giá của chúng, trừ các dụng cụ dùng cho thiên văn học vô tuyến / - Bộ phận và phụ kiện (kể cả khung giá): / - - Dùng cho dụng cụ thiên văn, trừ dụng cụ thiên văn vô tuyến
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 18:04:49
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90059010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K17954
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N17954
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q17954
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17256
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17185
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17185
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17185
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17185
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17185
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17185
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17241
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17241
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17241
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17241

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17241
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17241
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17242
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17242
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17242
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17242
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17242
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17242
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17247
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17203
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17199
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17199
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17199
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17199
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17199
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17199
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17245
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17245
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17245
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17245
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17245
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17245
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17307
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17307
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17307
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17307

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17307
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17307
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17283
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17283
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17283
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17283
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17283
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17283
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17278
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17278
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17278
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17278
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17278
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17278
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17308
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17308
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17308
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17308
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17308
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17308
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17307
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17307
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17307
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17307
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17307
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17307

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17401
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17401
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17401
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17401
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17401
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17401
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17401
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17270
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17270
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17270
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17270
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17270
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17270
RCEP B	2022	2022	0	B!D17270
RCEP B	2023	2023	0	B!E17270
RCEP B	2024	2024	0	B!F17270
RCEP B	2025	2025	0	B!G17270
RCEP B	2026	2026	0	B!H17270
RCEP B	2027	2027	0	B!I17270
RCEP C	2022	2022	0	C!D17268
RCEP C	2023	2023	0	C!E17268
RCEP C	2024	2024	0	C!F17268
RCEP C	2025	2025	0	C!G17268
RCEP C	2026	2026	0	C!H17268
RCEP C	2027	2027	0	C!I17268
RCEP D	2022	2022	0	D!D17267

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17267
RCEP D	2024	2024	0	D!F17267
RCEP D	2025	2025	0	D!G17267
RCEP D	2026	2026	0	D!H17267
RCEP D	2027	2027	0	D!I17267
RCEP E	2022	2022	0	E!D17271
RCEP E	2023	2023	0	E!E17271
RCEP E	2024	2024	0	E!F17271
RCEP E	2025	2025	0	E!G17271
RCEP E	2026	2026	0	E!H17271
RCEP E	2027	2027	0	E!I17271
RCEP F	2022	2022	0	F!D17270
RCEP F	2023	2023	0	F!E17270
RCEP F	2024	2024	0	F!F17270
RCEP F	2025	2025	0	F!G17270
RCEP F	2026	2026	0	F!H17270
RCEP F	2027	2027	0	F!I17270
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16196
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16196
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16196
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16196

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9005.90 có 2 dòng thuế; dòng 9005.90.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dùng cho dụng cụ thiên văn, trừ dụng cụ thiên văn vô tuyến.	9005.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9005.90.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9005.90.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N17954), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.